

Thuốc có các vị: xa xỉn, trĩ chát, trĩ linh, phèc linh, trĩ chát, mộc thông, hoắt thách, dăng tháo, trà diệp (lá chè), đông quất tía, ý dĩ, đông qua bì, đài phúc bì, thông tháo, cù mộc ch, bí mộc súc, tía giổi i, thanh vịnh, hàn kim sa...

Trực thủy có các vị: cam toát, đài kích, khoan hoa, khiên ngưu tía, đình lô chát, tía cù tùy tía, thô lóng lô c.

Xa xỉn còn gọi là thiến tháo tên khoa học Plantago major L. Dùng cả cây hoắc hốt. Vị ngọt, tính hàn. Vào can thận, tiêu tràng, tác dụng lợi tháo thanh nhiệt trĩ thủy thũng. Có tác dụng sáng mắt, chữa đau mắt đỏ. Thông lâm bì, tiết tủy. Tiêu nhọt cát bàng quang. Hốt có tác dụng điều hòa âm, bì can thận nên chữa bệnh mắt kém bắc hổ a, trĩ tía. Lá lợi thủy thanh nhiệt, lóng huyệt chử huyệt.



Trĩ chát - ngưu nhĩ thái.

Tùy mức đích chẩn thuốc phèi hàn đà có hiệu quả cao.

- Chứa các loài thủy thũng: phèi phèc linh, trĩ chát; thông lâm bì phèi phèc linh, trĩ chát, mộc thông, cù mộc ch, bí mộc súc, hoắt thách.

- Chèa mặt: phổi cúc hoa, tháo quyết minh, tang diệp, ngân hoa.

- Bột can thận chèa mặt mè: phổi sinh đà, tháo đà, tháo ty tử, câu kinh tử, tháo hàn c. Trộn tiết tảo phổi chè linh, phổi linh, sơn dược.

Cách chèa chèa tiết tử chèa hót xa tìn: Chèa tháo tiết do tháp thận gây ra thận dùng phép “phân lõi” đỗ trục tòe là dùng thuốc lõi tháo dòn thận tháp tháo qua đòn tìu mà đòn mèc đích trộn tòe. Có thể phổi hàn thêm sơn dược (sao), chè linh (nêm cây phong), phổi linh (nêm cây thông).

Mùa hè trộn thận bột đau bàng đi ngoài ra nôn óc nhức đầu ngày không cảm nên cho dùng bài thuốc Ngũ vị dĩ công tán (đông sâm, bạch truật, phổi linh, trộn bì, cam thảo cho thêm xa tìn tòe 3-9g, cát cánh 1g-1,5g sẽ có hiệu quả).

Lưu ý thận dùng 3-9g, thận hàn đòn đòn biết dùng đòn 15-30g.

Chú ý: Hót xa tìn chèa chèa hót nhày đính, nên khi nấu cùng với thuốc khác thì dùng túi vải riêng.

Theo một số nghiên cứu đặc biệt lý học Tây y cho thấy

Hót xa tìn có tác dụng lõi tìu rõ rệt: Tăng lõi nồng độ tìu bài tiết đòn thận tăng bài tiết urê, acid uric, clorua natri. Còn có tác dụng hàn huyệt áp.

Lá xa tìn có chèa digit-alin nên có tác dụng cung cấp tim, tăng huyệt áp. Các nhà khoa học Pháp đã cảnh báo tình trạng tai biến này và cũng người có bệnh tim dùng trà xa tìn tháo. Tránh nghĩ lõi tìu sẽ hàn huyệt áp.

Trách tòe còn gọi là nhĩ thái tên khoa học Alisma plantago Aquatica L. Dùng cỏ, với ngót mèn,

tính hàn. Vào tháng, bàng quang. Chỗ yết có 2 công dũng: tay can thận kinh hàn và xô thỷ bàng quang, tam tiêu. Trên lâm sàng chỗ yết đón lõi niệu trắc tháp, thanh nhiệt và chỗ yết tiêu nồng cát thận tùy theo phái ngũ vị các vị khác trong nhóm mà sẽ có các công dũng:

- Thỷ thũng trống mén, tiếu tiễn bắt lõi. Phái hàn thông tháo, tang bì, chỗ linh.
- Tiếu tiễn đòn. Phái hàn chỗ linh, hàn kim sa, tay giái, hoát thách.
- Chỗ a nhiệt lâm (đái rắt, đái buốt). Phái hàn sinh đòn, mộc thông, chỗ linh, thách vị.
- Chỗ a thỷ thũng khi mang thai. Phái hàn tang bì, tang ký sinh, phéc linh, đòn phúc bì.
- Chỗ a lõi can đòn tháp nhiệt, đau mệt đòn, đau sưng cơn ruột nôn mửa, ăn ít, vàng da, tiếu đòn. Phái hàn kim tiễn tháo, hàn kim sa, ngưu tật, đồng quật, nhân trện, xa tiễn.
- Cho vào các thuốc bù thận đòn phòng thuốc bù sinh nhiệt đòn tay thận hàn.
- Khi chỗ a thận và bàng quang hoắc can thận có hàn tà tháp nhiệt thì trích tay là vị thuốc đòn đòn tiên.

Cây xa tiễn và trích tay đòn tiêu nồng phè. Không có thỷ lâm tháp. Liều 6-9g. Khi cần dùng 15-18g.

Cây xa tiễn và trích tay đòn tiêu nồng phè. Không hàn chính khí. Khác vị phéc linh và đòn phúc bì, tiêu nồng bì phu.

Hàn bạch sùu còn gọi là khiên ngưu (bìm bìm) tên khoa hàn Ipomoea hederacea Jack. Dùng hàn tay.

Về dược lý vào phổi đói tràng. Có đặc, tác dụng lỏi đói tiêu tiễn, trắc thám, tiêu đạm. Chữa thám thũng cồn khí đạm, ho suyễn. Liều thấp thì lỏi đói tiêu, liều cao nhuộn tràng gây xổ. Khiên nguy có 2 loài: hắc sùu và bạch sùu. Hắc sùu tác dụng nhanh hơn bạch sùu. Chỉ dùng dược bột, viên đũa tác dụng từ từ an toàn hơn.

Liều thường dùng 2-4,5g tùy tình hình tăng dần đợt có tác dụng mong muốn.

Thảo dược còn gọi là nguy thiết căn, tên khoa học Phytolacca americana. Dùng raw với đắng cay, tính bình. Có đặc, đặc hàn khiên nguy. Vào tummy đói tràng. Dùng trong chữa đái buốt không tiêu, thám thũng. Dùng ngoài đắp chữa mẩn nhọt đặc sưng đau. Bài Lý ngũ thang dùng thảo dược này cá chép đặc chữa phù thũng do thận, tim.

Liều 2-4g khi dùng làm tá dược. Nếu chưa dùng một vài tháng thảo dược tán bột uống thường là 0,4-1,5g.

Thảo dược này có thể gây hiccups chính khí. Khi dùng theo dõi sát thường nôn óc tiêu. Nếu thấy tiêu giảm là phản ứng gây đặc, phản ứng.

Không thai. Không gây suy nhược. Ưng lúc no đợt tránh kích thích dài.

BS. Phó Đức Thuận  
**nguyên: SKDS**